

Phụ lục

Tài liệu giới thiệu những nội dung cơ bản của Nghị quyết số 43/2026/QH16 về giảm thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cá nhân và doanh nghiệp

Nghị quyết số 43/2026/QH16 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập cá nhân (TNCN), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) đối với cá nhân và doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 24/8/2026, có hiệu lực thi hành từ ngày 24/8/2026 và áp dụng cho kỳ tính thuế năm 2026, năm 2027.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

1.1. Cơ sở chính trị

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đã đặt ra yêu cầu: *Rà soát, hoàn thiện khung khổ pháp lý về kinh doanh cá thể; thu hẹp tối đa sự chênh lệch, tạo mọi điều kiện thuận lợi về tổ chức quản trị và chế độ tài chính, kế toán để khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp... Đến năm 2030 phấn đấu có 2 triệu doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế, 20 doanh nghiệp hoạt động/ngìn dân.*

- Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV, trong đó có nêu một trong những nhiệm vụ và giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 là *“Phát triển mạnh mẽ kinh tế tư nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ; có chính sách phù hợp, tạo môi trường minh bạch, thuận lợi, an toàn để doanh nghiệp tư nhân trong nước tiếp cận bình đẳng và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực” và “Giao Chính phủ chủ động điều chỉnh các loại thuế, phí trong trường hợp khẩn cấp”.*

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam, trong đó có nêu một trong những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu về kinh tế là: *“...đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ cho sự phát triển, tạo dư địa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế “2 con số”, “Phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng nhất; củng cố, phát triển kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác; phát triển kinh tế hộ gia đình thành lực lượng sản xuất, kinh doanh năng động, bền vững”.*

- Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

- Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 01/4/2026 của Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong giai đoạn mới (mục II.2 yêu cầu: *“không để “lợi ích nhóm” cài cắm, thao túng trong*

các cơ chế, chính sách, pháp luật”).

- Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật.

- Nghị quyết số 244/2025/QH15 ngày 13/11/2025 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 (yêu cầu: *“đẩy mạnh hơn nữa công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực”* – Mục 3.2 Điều 3).

- Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về chiến lược an ninh quốc gia (yêu cầu: *“Xây dựng thể chế vững chắc, đồng bộ, minh bạch và thích ứng, đủ sức phòng ngừa, xử lý các nguy cơ từ tham nhũng, lạm quyền, xung đột lợi ích...”*).

1.2. Cơ sở pháp lý

- Tại khoản 4 Điều 70 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam *(đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15)* quy định về nhiệm vụ quyền hạn của Quốc hội như sau: *“... quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế...”*.

- Khoản 2 Điều 10 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: *“2. Quốc hội ban hành nghị quyết để quy định: c) Vấn đề khác do Quốc hội quyết định.”*.

- Tại khoản 2 Điều 26 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật *(đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Luật số 87/2025/QH15)*: *“2. Trường hợp cần ban hành luật, nghị quyết ngay tại kỳ họp Quốc hội đang diễn ra hoặc kỳ họp gần nhất để giải quyết ngay vấn đề cấp bách, vướng mắc, bất cập phát sinh từ thực tiễn mà nội dung đề xuất chưa có trong Chương trình lập pháp hằng năm thì cơ quan trình áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn để xây dựng dự án...”*.

- Tại khoản 1 và khoản 2 Điều 50 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định các trường hợp và thẩm quyền quyết định việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn; theo khoản 1 Điều 51 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì việc đề nghị, quyết định áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn được thực hiện trước hoặc trong quá trình soạn thảo Nghị quyết.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Các chính sách thu, miễn, gia hạn tiền thuế hiện hành đối với hộ, cá nhân kinh doanh và doanh nghiệp

(1) Đối với hộ, cá nhân kinh doanh

a) Hộ, cá nhân kinh doanh thực hiện nộp thuế TNCN theo quy định của Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15, nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT) theo quy định của Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 và tiền thuê đất (nếu có) theo quy định của Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

b) Hộ, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm đến **01** tỷ được miễn thuế

TNCN, không phải nộp thuế GTGT theo quy định tại Luật số 09/2026/QH16 và Nghị định số 141/2026/NĐ-CP.

c) Hộ, cá nhân kinh doanh được gia hạn thời hạn nộp thuế theo quy định tại Nghị định số 245/2026/NĐ-CP ngày 27/6/2026 của Chính phủ:

- Gia hạn thời gian nộp thuế GTGT tối đa là 05 tháng.
- Gia hạn thời gian tạm nộp thuế TNCN tối đa là 05 tháng.

(Kỳ tính thuế tháng 5/2026 chậm nhất là ngày 20/11/2026; Kỳ tính thuế tháng 6, tháng 7, tháng 8 và tháng 9 năm 2026 chậm nhất là ngày 21/12/2026; Kỳ tính thuế quý II/2026 chậm nhất là ngày 02/11/2026; Kỳ tính thuế quý III/2026 chậm nhất là ngày 30/12/2026).

- Gia hạn 50% số tiền thuế đất phát sinh phải nộp trong năm 2026 tối đa là 05 tháng.

d) Ngoài ra, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ được Nhà nước hỗ trợ cung cấp miễn phí các nền tảng số, phần mềm kế toán dùng chung theo Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ; các hộ, cá nhân kinh doanh được áp dụng chế độ kế toán đơn giản (*chỉ sử dụng tối đa 04 loại sổ kế toán*) theo Thông tư số 152/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính.

(2) Đối với doanh nghiệp

a) Doanh nghiệp thực hiện nộp thuế TNDN theo quy định của Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15, nộp thuế GTGT theo quy định của Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 và tiền thuê đất (nếu có) theo quy định của Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

b) Doanh nghiệp có tổng doanh thu năm đến **01 tỷ** được miễn thuế TNDN theo quy định tại Luật số 09/2026/QH16 và Nghị định số 141/2026/NĐ-CP.

c) Doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 50 tỷ đồng thành lập mới từ hộ kinh doanh được miễn thuế TNDN trong 02 năm liên tục kể từ khi có thu nhập chịu thuế theo quy định tại Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15.

d) Doanh nghiệp nhỏ và vừa được miễn thuế TNDN trong 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu theo quy định tại Nghị quyết số 198/2025/QH15.

đ) Doanh nghiệp được gia hạn nộp thuế theo quy định tại Nghị định số 245/2026/NĐ-CP như sau:

+ Gia hạn thời gian nộp thuế GTGT tối đa là 05 tháng.

+ Gia hạn thời gian tạm nộp thuế TNDN của quý II năm 2026 là 03 tháng; gia hạn thời gian tạm nộp thuế TNDN của quý III năm 2026 là 02 tháng (*Số thuế TNDN tạm nộp của quý II năm 2026 được gia hạn nộp chậm nhất ngày 02/11/2026; Số thuế TNDN tạm nộp của quý III năm 2026 được gia hạn nộp chậm nhất ngày 30/12/2026*).

+ Gia hạn 50% số tiền thuế đất phát sinh phải nộp trong năm 2026 tối đa

là 05 tháng.

(3) Tổng số tiền thuế và tiền thuê đất được gia hạn theo Nghị định số 245/2026/NĐ-CP của hộ, cá nhân kinh doanh và doanh nghiệp dự kiến khoảng 125.000 tỷ đồng.

2.2. Quy định về doanh nghiệp siêu nhỏ

Theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và khoản 1 Điều 5 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ thì tiêu chí doanh nghiệp siêu nhỏ được quy định như sau:

“Doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; lĩnh vực công nghiệp và xây dựng sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 3 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 3 tỷ đồng.”

Doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 10 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 3 tỷ đồng.”

2.3. Nhận định các khó khăn của các hộ, cá nhân kinh doanh và doanh nghiệp siêu nhỏ hiện nay

Theo quy định tại Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 thì cá nhân cư trú có hoạt động sản xuất, kinh doanh có mức doanh thu từ 500 triệu đồng trở xuống không phải nộp thuế TNCN. Trước bối cảnh kinh tế thế giới diễn biến tiêu cực, khó lường do xung đột tại Trung Đông, giá nhiên liệu tăng cao, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người dân và doanh nghiệp, đặc biệt là hộ, cá nhân kinh doanh và doanh nghiệp quy mô nhỏ, để kịp thời có những điều chỉnh chính sách đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, ngày 24/4/2026, Quốc hội đã thông qua Luật số 09/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số Luật Thuế, trong đó giao Chính phủ quy định mức doanh thu năm không phải nộp thuế TNCN, mức doanh thu để xác định doanh nghiệp được miễn thuế TNDN căn cứ các chỉ số kinh tế vĩ mô, khả năng cân đối ngân sách phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

Theo đó, ngày 29/4/2026 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 141/2026/NĐ-CP quy định ngưỡng doanh thu năm không phải nộp thuế TNCN, mức doanh thu để xác định doanh nghiệp được miễn thuế TNDN là đến 01 tỷ đồng và áp dụng từ ngày 01/01/2026.

Qua ý kiến và khảo sát của một số tổ chức (*Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa, Ban Nghiên cứu và phát triển kinh tế tư nhân (Ban IV)*) cho thấy bức tranh chung đối với hộ, cá nhân kinh doanh vẫn còn nhiều khó khăn do việc thay đổi phương pháp nộp thuế (*từ khoán sang kê khai*) nên tác động lớn đến hộ kinh doanh.

Vì vậy, để khuyến khích, tạo điều kiện đối với hộ, cá nhân kinh doanh và doanh nghiệp phát triển trước bối cảnh tình hình hiện nay, căn cứ khả năng cân đối ngân sách nhà nước, căn cứ Hiến pháp, Luật Ban hành văn bản quy phạm

pháp luật, Chính phủ trình Quốc hội Nghị quyết của Quốc hội về giảm thuế TNCN, thuế TNDN đối với cá nhân và doanh nghiệp.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Đảm bảo phù hợp chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và quy định pháp luật của Nhà nước.

2. Góp phần tháo gỡ khó khăn, ổn định sản xuất, kinh doanh cho hộ, cá nhân kinh doanh, doanh nghiệp.

3. Đảm bảo tính kịp thời để thực hiện kiểm soát lạm phát, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô để góp phần đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế.

4. Đảm bảo tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành theo quy định của pháp luật.

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết quy định giảm thuế TNCN, thuế TNDN đối với cá nhân và doanh nghiệp.

1.2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết áp dụng đối với các đối tượng theo quy định của các Luật Thuế TNCN, Luật Thuế TNDN gồm: (i) Người nộp thuế là cá nhân cư trú có thu nhập từ kinh doanh; (ii) Người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế; (iii) Cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện chính sách thuế TNCN, thuế TNDN.

2. Bố cục của Nghị quyết

Bố cục Nghị quyết gồm 02 Điều:

Điều 1 quy định về giảm thuế TNCN, giảm thuế TNDN.

Điều 2 quy định về hiệu lực thi hành.

3. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

3.1. Về quy định giảm thuế TNCN, thuế TNDN

Tại Điều 1 Nghị quyết quy định:

"1. Giảm 30% số thuế thu nhập cá nhân phải nộp của kỳ tính thuế năm 2026 và năm 2027 đối với thu nhập từ kinh doanh của cá nhân cư trú có mức doanh thu hằng năm của năm 2026, năm 2027 không quá 10 tỷ đồng.

2. Giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế năm 2026 và năm 2027 đối với thu nhập của doanh nghiệp, tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam có mức doanh thu hằng năm của năm 2026, năm 2027 không quá 10 tỷ đồng; trừ các doanh nghiệp được hình thành từ việc chia, tách doanh nghiệp sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực, mà tổng doanh thu hằng năm của năm 2026, năm 2027 của các doanh nghiệp sau chia,

tách trên 10 tỷ đồng. Trường hợp doanh nghiệp đang được ưu đãi thuế theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc các luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm quy định tại khoản này tính trên số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp sau khi đã trừ ưu đãi thuế."

Lý do, cơ sở đề xuất:

Thời gian qua, Chính phủ đã ban hành và trình cấp có thẩm quyền ban hành nhiều chính sách hỗ trợ người dân và doanh nghiệp như giảm thuế GTGT đối với hầu hết các mặt hàng, giảm thuế bảo vệ môi trường (BVMT) đối với xăng, dầu, mỡ nhờn, các giải pháp về thuế BVMT, thuế GTGT, thuế TTĐB đối với xăng, dầu và nhiên liệu bay, miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và miễn, giảm hơn 40 loại phí và lệ phí.

Do đó, trong bối cảnh đã có nhiều chính sách hỗ trợ và căn cứ khả năng cân đối ngân sách nhà nước và để khuyến khích, tạo điều kiện đối với hộ, cá nhân kinh doanh và doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển, đề xuất giảm 30% số thuế TNCN đối với cá nhân kinh doanh có mức doanh thu năm không quá 10 tỷ đồng trong năm 2026 và năm 2027 và giảm 30% số thuế TNDN đối với doanh nghiệp có mức doanh thu năm không quá 10 tỷ đồng trong năm 2026 và năm 2027.

Việc đề xuất giảm số thuế phải nộp tương tự như các giải pháp hỗ trợ (*giảm 30% số thuế phải nộp*) trước đây tại Nghị quyết số 29/2012/QH13 ngày 21/6/2012 của Quốc hội ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân, Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của UBTVQH ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19.

Ngoài ra, thời gian vừa qua chính sách giảm thuế GTGT (*từ 10% xuống 8%*) cho hầu hết các mặt hàng đã góp phần kích cầu tiêu dùng, tăng sức mua hàng hóa, dịch vụ. Qua tổng kết, chính sách này đã phát huy được vai trò điều tiết tiêu dùng, tối ưu hóa chi phí sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên, chính sách giảm thuế GTGT có hiệu lực đến hết năm 2026, theo đó, để hỗ trợ trực tiếp các đối tượng này trong giai đoạn hiện nay, giữ lại nguồn lợi nhuận để tái đầu tư, mở rộng sản xuất, gia tăng thu nhập khả dụng để người dân có điều kiện nâng cao chất lượng cuộc sống, tiêu dùng và tích lũy, hướng tới mục tiêu tăng trưởng 02 con số thì đề nghị giảm 30% số thuế TNCN và thuế TNDN đối với cá nhân kinh doanh, doanh nghiệp có doanh thu năm không quá 10 tỷ đồng trong năm 2026 và 2027 là cần thiết và phù hợp.

3.2. Về hiệu lực thi hành

Tại Điều 2 Nghị quyết quy định:

"1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 24 tháng 8 năm 2026 và áp dụng cho kỳ tính thuế năm 2026, năm 2027.

2. Chính phủ quy định chi tiết Nghị quyết này."

Lý do, cơ sở đề xuất:

Như đã nêu trên, việc áp dụng cho kỳ tính thuế năm 2026, 2027 sẽ góp phần tháo gỡ khó khăn, ổn định sản xuất, kinh doanh cho hộ, cá nhân kinh doanh và doanh nghiệp.

Việc giao Chính phủ quy định chi tiết Nghị quyết này đảm bảo cơ sở cho việc triển khai thực hiện phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ được quy định tại các Luật Thuế, Luật Quản lý thuế, Luật Tổ chức Chính phủ.

IV. CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

- Về tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết: Chính phủ sẽ chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, giáo dục Nghị quyết và các quy định liên quan; Bộ Tài chính xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của Nghị quyết kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện; và phối hợp với các cơ quan có liên quan cũng như chỉ đạo cơ quan thuế thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát để đảm bảo việc thực thi Nghị quyết có hiệu quả.

- Về bảo đảm nguồn lực thực hiện: Nội dung Nghị quyết không có quy định liên quan đến thành lập các tổ chức, bộ máy mới để triển khai thực hiện. Do vậy, không ảnh hưởng đến nguồn lực, không làm tăng thêm đầu mỗi tổ chức và biên chế bảo đảm thi hành Nghị quyết sau khi được ban hành. Việc quản lý thu thuế đối với hộ, cá nhân kinh doanh và doanh nghiệp vẫn được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và cơ quan thuế được đảm bảo kinh phí hoạt động từ NSNN. Kinh phí NSNN đảm bảo cho hoạt động của cơ quan thuế để triển khai thực hiện Nghị quyết này không thay đổi so với trước khi có Nghị quyết.

- Về nguồn tài chính và tác động đến NSNN: Việc giảm thuế theo Nghị quyết dự kiến tổng số giảm thu ngân sách năm 2026 khoảng **3.191 tỷ đồng** và năm 2027 khoảng **3.510 tỷ đồng**. Để giảm thiểu tác động đến cân đối NSNN, Chính phủ sẽ tiếp tục chỉ đạo Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan thực hiện: tăng cường quản lý thu NSNN, tập trung triển khai kịp thời, có hiệu quả các nhóm giải pháp quản lý thu; trong điều hành yêu cầu cả ngân sách trung ương và ngân sách các địa phương phải tiếp tục rà soát, cắt giảm các khoản chi chưa thực sự cần thiết (*kể cả chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên*) để đảm bảo cân đối chi ngân sách.

V. DỰ BÁO TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH ĐẾN NGƯỜI DÂN VÀ XÃ HỘI

1. Tác động đến thu NSNN

Với đề xuất này, theo số thu năm 2025 thì dự kiến tổng số giảm thu ngân sách năm 2026 khoảng **3.191 tỷ đồng** (trong đó số thuế TNCN của hộ, cá nhân kinh doanh khoảng 929 tỷ đồng, số thuế TNDN của doanh nghiệp khoảng 2.262 tỷ đồng) và năm 2027 khoảng **3.510 tỷ đồng** (trong đó số thuế TNCN của hộ, cá nhân kinh doanh khoảng 1.022 tỷ đồng, số thuế TNDN của doanh nghiệp khoảng

2.488 tỷ đồng¹).

Việc giảm thuế theo đề xuất nêu trên trước mắt có thể làm giảm thu ngân sách nhà nước, nhưng về lâu dài, khi doanh nghiệp và cá nhân phát triển sẽ đóng góp trở lại cho ngân sách thông qua việc nộp thuế đối với tiêu dùng và thu nhập của các doanh nghiệp, cá nhân này.

2. Tác động đến tăng trưởng kinh tế

Việc giảm thuế để hỗ trợ trực tiếp hộ, cá nhân kinh doanh, doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay, giữ lại nguồn lợi nhuận để tái đầu tư, mở rộng sản xuất, gia tăng thu nhập khả dụng để người dân có điều kiện nâng cao chất lượng cuộc sống, tiêu dùng và tích lũy, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế.

3. Tác động đến người dân và doanh nghiệp

- *Đối với hộ, cá nhân kinh doanh:* Đây là đối tượng sẽ được hưởng lợi trực tiếp của chính sách này, việc giảm thuế sẽ góp phần giảm trực tiếp vào số thuế phải nộp của hộ, cá nhân kinh doanh, được xem là khoản tiền Nhà nước hỗ trợ cho hộ, cá nhân kinh doanh giảm bớt khó khăn. Hộ, cá nhân được giữ lại nguồn lợi nhuận để tái đầu tư, mở rộng sản xuất, gia tăng thu nhập khả dụng để có điều kiện nâng cao chất lượng cuộc sống, tiêu dùng và tích lũy.

- *Đối với doanh nghiệp:* Cũng tương tự như hộ, cá nhân kinh doanh, doanh nghiệp được giảm thuế TNDN phải nộp năm 2026, 2027 giúp tăng khả năng phục hồi, có thể tái đầu tư và mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đồng thời, việc giảm thuế cũng tạo điều kiện để doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh.

VI. TRIỂN KHAI THI HÀNH

Hiện nay, Bộ Tài chính đang xây dựng Nghị định quy định chi tiết Nghị quyết số 43/2026/QH16 (dự kiến trình Chính phủ ban hành trong tháng 10/2026).

Trên đây là tài liệu giới thiệu Nghị quyết số 43/2026/QH16 về giảm thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cá nhân và doanh nghiệp được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XVI./.

¹ Giả định tăng trưởng năm 2027 so với năm 2026 là 10%.